

# ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

GS, TSKH PHAN XUÂN SƠN

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Ngày nhận:*

18-1-2025

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

24-1-2025

*Ngày duyệt đăng:*

10-2-2025

**Tóm tắt:** Trong thành tựu gần 40 năm đổi mới có đóng góp to lớn của đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới thể hiện cách tiếp cận mới về đối ngoại, trên cơ sở độc lập tự chủ, nắm bắt, dự báo đúng tình hình thế giới và trong nước; giữ vững các nguyên tắc, phương châm đối ngoại, sáng tạo những nội dung phong phú, linh hoạt, độc đáo, với mục tiêu cao nhất là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc lên trên hết. Thành tựu đối ngoại của Việt Nam trong gần 40 năm đổi mới đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh, thấm đượm tâm hồn, cốt cách, khí phách của dân tộc Việt Nam.

**Từ khóa:**

*Đường lối đối ngoại của Đảng; chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam; thời kỳ đổi mới*

## 1. Khái quát những nội dung cơ bản về sự phát triển đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước trước đổi mới

Từ những thập kỷ 70 của thế kỷ XX, với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ, lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là ở các nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu. Sự phát triển kinh tế, cạnh tranh, đầu tư và phụ thuộc lẫn nhau đã làm xuất hiện xu hướng toàn cầu hóa, xu thế hòa hoãn, thi đua kinh tế thay vì chạy đua vũ

trang, đặc biệt là xu thế hòa hoãn giữa các nước lớn đã xuất hiện.

Sau thắng lợi của cách mạng Việt Nam (năm 1975), trên thế giới, hệ thống XHCN đã mở rộng phạm vi, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh. Tuy nhiên, từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước XHCN xuất hiện tình trạng khó khăn, mất ổn định, thậm chí khủng hoảng. Ở Liên Xô, sau khi công bố Hiến pháp 1977, đất nước bước vào giai đoạn “trì trệ”. Các thử nghiệm cải cách, cải

tổ...ở các mức độ khác nhau, được tiến hành ở hầu hết các nước XHCN.

Trong nước, sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, tinh thần cách mạng của mọi tầng lớp nhân dân lên cao, công cuộc xây dựng CNXH bước vào giai đoạn mới, được tiến hành trên phạm vi cả nước. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu quan trọng, nhưng sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước gặp rất nhiều khó khăn: Các nguồn lực đều tập trung cho khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, trong lúc đó, chúng ta phải đối phó với hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Lợi dụng vấn đề Campuchia, các thế lực thù địch tìm cách cô lập, chống phá cách mạng Việt Nam. Bên cạnh những khó khăn khách quan, Đảng, Nhà nước đã thực hiện một số chính sách phát triển kinh tế-xã hội nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Vì vậy, đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài.

Trong bối cảnh đó, trên lĩnh vực đối ngoại, từ năm 1976, Đảng, Nhà nước xác định: “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất cho việc nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, khoa học, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>, sát cánh với các nước XHCN và nhân dân các nước trên thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH. Việt Nam chủ trương củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia; sẵn sàng, thiết lập phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Đại hội V (1982) của Đảng xác định: Công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ

động, tích cực trong đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta. Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc; chủ trương đối thoại với các nước trong khu vực; khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.

Chính sách đối ngoại từ năm 1976-1986 đạt được một số kết quả như sau: Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước XHCN được tăng cường, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế - SEV (29-6-1978); đến năm 1977, đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước; trở thành thành viên của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Liên Hợp quốc.

Tuy vậy, Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, bên cạnh nguyên nhân khách quan là đất nước bị bao vây, cô lập, cấm vận... thì nguyên nhân cơ bản đã được Đại hội VI (1986) của Đảng chỉ ra là “bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”<sup>2</sup>. Trong chính sách đối ngoại, chúng ta chưa nắm bắt được xu thế mới trong phát triển khoa học công nghệ và sự phát triển kinh tế thế giới, chưa nắm được xu thế mới trong quan hệ quốc tế, đó là chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế trong hệ thống các nước TBCN và đặc biệt giữa hai hệ thống, TBCN và XHCN.

## 2. Sự phát triển đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước thời kỳ đổi mới (1986-2020)

### *Bối cảnh quốc tế và khu vực sau chiến tranh lạnh*

Từ giữa những năm 80 (thế kỷ XX), cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc. Các nước XHCN lâm vào trì trệ và tiếp theo là khủng hoảng sâu sắc. Đến đầu những năm 90 (thế kỷ XX), chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và sau đó là Liên Xô sụp đổ, dẫn đến những biến đổi to lớn trong quan hệ quốc tế. CNXH hiện thực lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bị khủng hoảng toàn diện. Trật tự thế giới thay đổi, sự phân bố quyền lực trong trật tự thế giới mới bị đảo lộn. Trật tự hai cực chấm dứt, trật tự thế giới mới chưa ổn định, nhiều bất trắc, khó lường. Cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng “đơn cực” và “đa cực” đang diễn ra gay gắt. Nhưng “cực diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn sẽ chi phối các quan hệ quốc tế”<sup>3</sup>.

Trên phạm vi thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hòa bình và hợp tác phát triển. Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển đã đổi mới tư duy đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là vai trò của công nghệ thông tin đã tác động sâu sắc đến tình hình kinh tế, chính trị và các quan hệ quốc tế. Nền kinh tế thế giới trở nên phụ thuộc lẫn nhau, bước sang phát triển kinh tế tri thức, việc sản xuất, sử dụng và sáng tạo tri

thức trở nên quyết định trong cạnh tranh toàn cầu. Mạng internet, thông tin đã kết nối toàn cầu, làm thay đổi cách thức tương tác không chỉ trong sản xuất mà trong các quan hệ chính trị, xã hội.

Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó cả cơ hội và thách thức, tích cực lẫn tiêu cực, đã buộc tất cả các nước đều phải chủ động, tích cực tham gia. Các nền kinh tế liên kết với nhau, xâm nhập lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau. Quan hệ giữa các khu vực, các quốc gia, các nền văn hóa, các cá nhân trên thế giới ngày càng được tăng cường, thúc đẩy tình hữu nghị giữa các dân tộc...

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng đặt ra hàng loạt thách thức về chủ quyền quốc gia, tình trạng nước giàu bóc lột nước nghèo, sự lũng đoạn của các tập đoàn đa quốc gia đối với kinh tế thế giới, cho đến di chuyển tội phạm, các đại dịch... Phong trào chống mặt trái toàn cầu hóa, vì công bằng, an sinh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đang ngày càng thu hút được sự ủng hộ của nhân dân toàn thế giới. Như vậy, toàn cầu hóa là một quá trình đấu tranh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tư tưởng gay gắt.

Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra gay gắt với những biểu hiện mới, hình thức mới. Chiến tranh quy mô lớn khó có thể xảy ra, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên đang xảy ra khắp nơi. Trong quan hệ quốc tế, can thiệp, trừng phạt, bao vây, cấm vận... vẫn đang tồn tại như là một công cụ chính trị để giải quyết quan hệ giữa các nước. Các cuộc “cách mạng đường phố”, “cách mạng màu”, “cách mạng hoa” có thể diễn ra nhanh chóng và lan rộng.

Trong những năm gần đây, tình hình thế giới và khu vực chuyển biến nhanh chóng với nhiều

diễn biến phức tạp, khó lường và chưa có tiền lệ. Cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn ngày càng quyết liệt hơn, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa đơn phương, chủ nghĩa bảo hộ trở dậy. Bên cạnh đó, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống ngày càng gay gắt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ tạo ra những cơ hội mới, nhưng cũng đặt ra những thách thức nghiêm ngặt trên con đường phát triển của các dân tộc. Quá trình định hình lại cấu trúc chính trị, kinh tế thế giới đang diễn ra ngày càng nhanh, chưa ổn định, với những tập hợp lực lượng đa dạng, phức tạp, đan xen, tác động nhiều chiều đến hòa bình, độc lập, chủ quyền và an ninh của các nước. Đặc biệt, từ năm 2019, dịch bệnh COVID-19 tác động nghiêm trọng và để lại hậu quả nặng nề trên mọi mặt của đời sống xã hội ở hầu hết các quốc gia...

*Khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, từ những năm 1990, có nhiều chuyển biến mới: Hợp tác trong khu vực diễn ra sôi động trên nhiều tầng nấc từ liên khu vực đến hợp tác theo nhóm nước và song phương; từ kinh tế mở rộng ra các lĩnh vực chính trị, an ninh... Hiện nay, khu vực châu Á - Thái Bình Dương được coi là khu vực phát triển năng động nhất thế giới, là nơi tranh chấp quyết liệt của các nước lớn, nhất là Mỹ và Trung Quốc. Sự phát triển của khu vực này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chiến lược “xoay trục” của Mỹ, Liên minh châu Âu, vai trò chiến lược

của Trung Quốc và các cường quốc khác, tạo ra các hình thức tập hợp lực lượng mới và các lợi ích đan xen.

*Đông Nam Á* vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định, nhất là các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo ngày càng gia tăng. Khu vực này trở thành địa bàn tranh chấp và dàn xếp lợi ích chiến lược giữa các nước lớn, làm cho tình hình chính trị, an ninh khu vực phức tạp hơn. Tuy nhiên, khuynh hướng liên kết khu vực ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Các nước ASEAN tiếp tục phát huy vai trò trung tâm trong việc duy trì hòa bình, ổn định và thúc đẩy liên kết kinh tế của cả khu vực. Tuy nhiên quan hệ nội khối, chịu tác động, lôi kéo, gây ảnh hưởng của các nước lớn, đặc biệt là Trung Quốc và Mỹ và có những biểu hiện phức tạp do chính sách thực dụng và lợi ích riêng của chính các nước thành viên ASEAN tạo ra.

Các nước láng giềng có chung đường biên giới với Việt Nam có những

diễn biến phức tạp. Trung Quốc tiếp tục khẳng định vai trò vị trí cường quốc, tham vọng nâng cao vị thế, thể hiện lập trường nước lớn, cứng rắn trong giải quyết tranh chấp ở Biển Đông với Việt Nam và các nước trong khu vực.

Quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia vẫn duy trì, củng cố. Tuy nhiên, các nước đều bị ảnh hưởng bởi những nhân tố trong và bên ngoài trong quan hệ với Việt Nam.

**Kế thừa truyền thống hòa hiếu của dân tộc, kế thừa và phát triển tư duy đối ngoại của Đảng qua các thời kỳ, trên cơ sở đường lối đối ngoại được xác định trong Cương lĩnh, Đảng và Nhà nước đã cụ thể hóa thành chính sách và hoạt động đối ngoại của Việt Nam phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong suốt các nhiệm kỳ Đại hội XI, Đại hội XII của Đảng; để lại bài học lớn: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.**

***Quá trình phát triển đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước (1986-1996)***

Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam thời kỳ này là phá thế bị bao vây, cấm vận; chống tụt hậu về kinh tế; giải toả tình trạng cô lập, đối đầu, thù địch, tiến tới bình thường hóa và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế. Nhu cầu chống tụt hậu về kinh tế cũng đặt ra gay gắt. Đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam là: Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Đảng chủ trương *mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau*. Tháng 12-1987, *Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* được ban hành. Tháng 5-1988, Bộ chính trị ra Nghị quyết số 13/NQ-TW khóa VI, “Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới”, đề ra chủ trương kiên quyết chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác cùng tồn tại hòa bình; lợi dụng sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới để tranh thủ vị trí có lợi nhất trong phân công lao động quốc tế; kiên quyết mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, ra sức đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, từ năm 1989, Đảng chủ trương xóa bỏ tình trạng độc quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu.

Đại hội VII (1991) của Đảng thông qua *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”<sup>24</sup> với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng

đồng thế giới, phân đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”<sup>25</sup>. HNTU 3 (6-1992) khóa VII nhấn mạnh yêu cầu đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Mở rộng cửa để tiếp thu vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới, trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên, môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa. Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) chủ trương triển khai mạnh mẽ và đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại.

Thành quả bước đầu của đường lối đối ngoại do Đại hội VII của Đảng đề ra là: Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc (11-1991); ngày 2-7-1993, Hoa Kỳ tuyên bố không ngăn cản các nước khác cho Việt Nam vay trả nợ các tổ chức tài chính quốc tế; ngày 3-2-1994, Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton tuyên bố bỏ hoàn toàn cấm vận Việt Nam, lập cơ quan liên lạc giữa hai nước và hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào năm 1995. Các sự kiện này cũng đã làm thay đổi thái độ của nhiều nước và các tổ chức quốc tế đối với Việt Nam.

***Quá trình phát triển đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước (1996 - 2020)***

Đến năm 1995 Việt Nam đã phá được thế bị bao vây, cấm vận, cô lập (đã bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc năm 1991, với Hoa Kỳ năm 1995)...; bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội VIII (1996) của Đảng khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế. Đồng thời chủ trương *xây dựng nền kinh tế mở và đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực*

và thế giới. Chủ trương đối ngoại của Đại hội VIII có các điểm mới: *một là*, chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác; *hai là*, quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ; *ba là*, lần đầu tiên Đảng đưa ra chủ trương thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài. HNTU 4 (12-1997) khóa VIII, chỉ rõ: Trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Nghị quyết đề ra chủ trương tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO.

Đại hội IX (2001) của Đảng nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Đại hội IX đã phát triển phương châm của Đại Hội VII: Việt Nam muốn làm bạn với các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển thành *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*<sup>6</sup>.

Đại hội X (2006) của Đảng nêu quan điểm: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Đồng thời đề ra chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế” (trước đó chỉ nói “chủ động”, bổ sung “tích cực”).

Đại hội XI (2011) của Đảng đã thông qua 3 văn kiện quan trọng: *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011, gọi tắt là Cương lĩnh 2011); Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Ba văn kiện

quan trọng này nêu quan điểm, phương hướng cơ bản chỉ đạo cả lâu dài, trung hạn và ngắn hạn về đường lối đối ngoại, tạo thành một thể thống nhất. Từ Báo cáo chính trị đến Chiến lược và Cương lĩnh, đường lối đối ngoại của Đảng được đề cập phù hợp với nhiệm vụ đối ngoại trong từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, nhưng thống nhất về mục tiêu, nguyên tắc, phương châm và những định hướng lớn, lâu dài. Nội dung của phần đối ngoại trong các văn kiện đó hợp thành Đường lối đối ngoại Đại hội XI.

Kế thừa truyền thống hòa hiếu của dân tộc, kế thừa và phát triển tư duy đối ngoại của Đảng qua các thời kỳ, trên cơ sở đường lối đối ngoại được xác định trong Cương lĩnh, Đảng và Nhà nước đã cụ thể hóa thành chính sách và hoạt động đối ngoại của Việt Nam phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong suốt các nhiệm kỳ Đại hội XI, Đại hội XII và để lại bài học lớn cho sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, bài học: *Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế*.

Thành tựu của công cuộc đổi mới thật sự “có ý nghĩa lịch sử”, không ai có thể phủ nhận được. Góp phần quan trọng trong những thành tựu có ý nghĩa lịch sử đó “là nỗ lực không ngừng nghỉ của ngành đối ngoại, với các trụ cột Đối ngoại Đảng, Ngoại giao Nhà nước, Đối ngoại nhân dân, triển khai mạnh mẽ, nhất quán và hiệu quả đường lối đối ngoại Đại hội XII, thúc đẩy và tạo lập những điều kiện thuận lợi nhất cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>7</sup>.

Chỉ trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Việt Nam đã thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện với 5 nước, nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược với 2 nước (Australia năm 2018 và New Zealand năm 2020), từ Đối tác chiến lược lên Đối tác chiến lược toàn diện với một nước (Ấn Độ năm 2016), nâng tổng số quan hệ Đối

tác chiến lược/Đối tác toàn diện lên 30 nước. “Việt Nam đang trở thành nhân tố ngày càng quan trọng trong chiến lược khu vực và toàn cầu của các nước lớn”<sup>8</sup>.

Trong 5 năm (2016-2020), Việt Nam đã tham gia và ký kết 2 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới là CPTPP và EVFTA và một FTA quy mô hàng đầu thế giới là RCEP. Việt Nam ngày càng tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương; đã khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế và khu vực như ASEAN, ASEM, APEC, Liên Hợp quốc, G20, WEF và các cơ chế tiểu vùng Mekong... Ngay cả trong bối cảnh đại dịch COVID-19, đã chủ động, linh hoạt phát huy tốt vai trò Chủ tịch ASEAN 2020, Chủ tịch Đại hội đồng Liên nghị viện ASEAN (AIPA) 2020 và Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc 2020-2021.

Với việc tổ chức cuộc gặp Thượng đỉnh Mỹ- Triều Tiên lần thứ 2 (2-2019) tại Hà Nội; với việc lần đầu tiên trong lịch sử nhà nước Việt Nam hiện đại, đã xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với tất cả các nước láng giềng; lần đầu tiên, Việt Nam cử lực lượng tham gia gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc... ngoại giao Việt Nam đã chứng minh được năng lực kiến tạo thể chế và đóng góp vào các vấn đề an ninh và hòa bình toàn cầu.

Nhìn lại 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội XII, nhiệm kỳ thứ hai triển khai quan điểm đối ngoại của Cương lĩnh (2011) của Đảng, đồng chí Bùi Thanh Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao đánh giá: “Thế giới trải qua những biến động to lớn, phức tạp chưa từng có. Công tác đối ngoại đã đóng góp quan trọng, trở thành một điểm sáng trong những thành tựu chung của cả dân tộc. Không chỉ giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định

trong bối cảnh thế giới rất phức tạp, Việt Nam đã thể hiện được bản lĩnh, tinh thần chủ động thích ứng, khả năng kiến tạo và tận dụng cơ hội để không ngừng nâng cao thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước. Trong bảng xếp hạng Chỉ số sức mạnh tại châu Á do Viện Lowy (Australia) công bố (19-10-2020), Việt Nam tăng một bậc từ 13 lên 12. Trong đó, về ảnh hưởng Ngoại giao, chúng ta tăng 3 bậc, vươn lên đứng thứ 2 trong Đông Nam Á. Về kinh tế, Việt Nam đã vươn lên thành nền kinh tế lớn thứ 4 trong ASEAN với GDP ở mức hơn 340 tỷ đô la Mỹ. Hãng định giá thương hiệu Brand Finance của Anh nhận định giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam năm 2020 đã tăng 29% trong năm 2020, hiện đứng ở vị trí thứ 33 trong Top 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới”<sup>9</sup>.

(Còn nữa - Xem tiếp số sau)

1. “Toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt Nam thống nhất, xã hội chủ nghĩa”, Báo cáo chính trị tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội chung cả nước, do đồng chí Lê Duẩn trình bày, ngày 25-6-1976. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 37, tr. 176

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 47, tr.360

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2001, tr.183

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T. 51, tr. 47

5. *Sđd*, T. 52, tr. 134

6. *Sđd*, T. 60, tr. 146

7, 8, 9. Bùi Thanh Sơn: Tổng kết công tác đối ngoại nhiệm kỳ Đại hội Đảng XII và những định hướng giai đoạn mới, <https://baochinhphu.vn/tong-ket-cong-tac-doi-ngoai-nhiem-ky-dai-hoi-dang-xii-va-nhung-dinh-huong-giai-doan-moi-102287954.htm>, ngày đăng 19-2-2021, ngày truy cập 24-12-2024.